TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày 11-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Liễu Thị Diệp

Ông Hoàng Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thị L, tên gọi khác: không có; sinh ngày 14/7/1963 tại huyện A, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Số 10/27, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 10/10; con ông: Vũ Huy Tụng, sinh năm 1911 (đã chết năm 1982) và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1933 (đã chết năm 1988); chồng thứ nhất Đỗ Thanh L (đã chết năm 1986); chồng thứ hai Nguyễn Văn T (đã chết năm 1999); Con: Có 04 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại tại địa phương; có mặt;

2. Nguyễn Minh T, tên gọi khác: không có; sinh ngày 05/8/1994 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Số 10/27, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (đã chết năm 1999) và bà Vũ Thị L, sinh năm 1963; vợ, con; Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự, ngày 04/9/2019, gây mất trật tự công cộng bị Công an thành phố L xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/10/2019 đến ngày 17/01/2020 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cho bảo lĩnh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị L, bị cáo Nguyễn Minh T*: Ông Bế Quang H - Luật sư Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H; địa chỉ: Số 44, đường C, khối 4, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Đinh Diệu L, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 7, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 501, khu Chung cư, khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Nông Thị G, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 6/7, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Ngô Trung C, sinh 1986; địa chỉ: Số 59, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Chị Lương Thị Hồng Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 5, ngõ 705, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Chị Vũ Lan H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 29, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Anh Hà Thành K, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Q 1, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

9. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 30, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

10. Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 37, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Việt A, sinh năm 1986; vắng mặt.

2. Ông Bế Văn H, sinh năm 1966; vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Hà P, sinh năm 1993; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; vắng mặt

5. Anh Đỗ Quang L, sinh năm 1989; vắng mặt.

6. Bà Trần Thị B, sinh năm 1970; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 31/10/2019, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được tin báo tại cổng cơ quan Đài truyền hình tỉnh Lạng Sơn có một nam thanh niên đang cầm trên tay một băng rôn có in hình và dòng chữ "Yêu cầu Q, H trả tiền như đã hẹn đừng làm mất danh dự đảng viên suy đồi đạo đức". Sau khi nhận được tin báo Phòng Cảnh sát hình sự đã phối hợp với Công an phường C đến hiện trường kiểm tra và yêu cầu nam thanh niên về trụ sở Công an tỉnh để làm việc. Nam thanh niên khai tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/8/1994, trú tại số 10, ngõ 27, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, thời gian qua Nguyễn Minh T có cho những người trên địa bàn thành phố vay tiền lấy lãi, trong đó có Lương Thị Hồng Q và Nguyễn Thị Thanh H đang công tác tại Đài truyền hình Lạng Sơn, do hai người này chây ỳ không trả tiền lãi và gốc nên T đã đi in băng rôn đem đến cổng Đài truyền hình giơ lên mục đích cho Lương Thị Hồng Q và Nguyễn Thị Thanh H xấu hổ sẽ trả tiền cho Nguyễn Minh T.

Quá trình điều tra Nguyễn Minh T khai: Cuối năm 2016, do không có việc làm nên Nguyễn Minh T xuống Hà Nội làm thuê cho một số cửa hiệu cầm đồ. Khoảng đầu năm 2017, Nguyễn Minh T về Lạng Sơn và bắt đầu cho vay lãi tại nhà, không đăng ký kinh doanh. Đến đầu năm 2018, do Nguyễn Minh T thường xuyên vắng nhà nên đã nhờ mẹ đẻ là Vũ Thị L, sinh năm 1963, cùng trú tại số 10/27, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giúp Nguyễn Minh T cho khách vay tiền, giữ tiền lãi khi khách trả và ghi chép sổ sách theo dõi. Nguồn tiền cho khách vay là tiền của Nguyễn Minh T vay của người thân không tính lãi, sau này là tiền tích cóp của Vũ Thị L, ngoài ra Vũ Thị L còn tự ý sử dụng 400.000.000 đồng là tiền của con gái riêng với chồng trước là Đỗ Thị P, sinh năm 1985 trú tại Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang cư trú tại Singapore gửi về giữ hộ để cho vay thu lãi.

Từ tháng 3/2017 đến ngày 31/10/2019, các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cho vay bằng tiền mặt, có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản tùy theo mối quan hệ và số lượng tiền vay. Thông thường những người đến vay thỏa thuận số tiền vay, thời gian vay và lãi suất với Nguyễn Minh T; khi Nguyễn Minh T đồng ý thì Vũ Thị L giao tiền, Nguyễn Minh T hướng dẫn viết các thông tin vào hợp đồng đã soạn sẵn hoặc người vay tiền trực tiếp ghi vào sổ của L, những người vay tiền gồm có:

1. Đinh Diệu L, sinh năm 1980, trú tại số 7A, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Đinh Diệu L được Dương Thúy A, sinh năm 1977, trú tại ngõ 8, đường M, phường V, thành phố L giới thiệu Vũ Thị L và Nguyễn Minh T cho vay tiền. Đinh Diệu L đã đến vay tiền của Vũ Thị L, Nguyễn Minh T nhiều lần, khi vay tiền có cầm cố sổ bảo hiểm.

Lần 1: Tháng 5/2018, Đinh Diệu L đến nhà gặp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T vay 50.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày trả lãi một lần là 2.000.000đ, tương đương lãi suất 146%/năm. Nguyễn Minh T hướng dẫn Đinh Diệu L viết giấy vay nợ, Vũ Thị L điền thông tin khoản vay của Đinh Điệu Linh vào sổ rồi thu lãi 10 ngày đầu tiên và đưa cho Đinh Diệu L 48.000.000 đồng. Tính đến 10/8/2018, đã trả được 09 lần (90 ngày) tiền lãi là 18.000.000 đồng, chưa trả tiền vay gốc.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự, lãi suất cho vay tối đa 20%/năm, tương ứng 1,667%/tháng và 547,945 đồng/triệu/ngày. Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 50.000.000 đồng x 90 ngày = 2.465.752,5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 18.000.000 đồng - 2.465.752,5 đồng = 15.534.247,5 đồng.

Lần 2: Tháng 7/2018, Đinh Diệu L vay thêm của Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 50.000.000 đồng, cũng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày trả lãi một lần là 2.000.000 đồng. Tính đến 10/8/2018, Đinh Diệu L đã trả lãi 03 lần (30 ngày) với số tiền 6.000.000 đồng, Nguyễn Diệu L chưa trả tiền gốc.

Tiền lãi hợp pháp L và T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 50.000.000 đồng x 30 ngày = 821.917,5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 6.000.000 đồng - 821.917,5 đồng = 5.178.082,5 đồng.

- Ngày 10/8/2018, Đinh Diệu L đến nhà Vũ Thị L thỏa thuận gộp hai khoản vay thành khoản mới là 100.000.000 đồng, cho Đinh Diệu L trả cả gốc và lãi là 2.000.000đ/ngày, trả trong 60 ngày, Vũ Thị L đồng ý. Đinh Diệu L trả được 32 ngày là 64.000.000 đồng thì không còn khả năng trả nữa. Ngày 12/9/2018, Đinh Diệu L đến nhà Vũ Thị L mượn lại số tiền 50.000.000 đồng trong tổng số 64.000.000 đồng Đinh Diệu L đã trả ở trên, còn lại 14.000.000 đồng Đinh Diệu L trả lãi cho khoản vay đã gộp 100.000.000đ

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547.945 đồng x 100.000.000 đồng x 32 ngày = 1.753.424 đồng; số tiền đã thu lợi bất chính là: 14.000.000 đồng - 1.753.424 đồng = 12.246.576 đồng.

Lần 3: Cuối tháng 9/2018 (không nhớ ngày) Đinh Diệu L đến nhà Vũ Thị L vay tiếp số tiền lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, đồng thời Vũ Thị L nói với Đinh Diệu L sẽ cộng số tiền 50.000.000 đồng mới vay với 100.000.000 đồng vay trước đó thành 150.000.000 triệu, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, cắt lãi trước 10 ngày là 6.000.000 đồng, Linh nhận 44.000.000 đồng. Khoản này tính đến cuối tháng 12/2018 Đinh Diệu L đã trả tổng cộng 60.000.000 đồng tiền lãi (bao gồm 6.000.000 đồng cắt lãi trước).

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547.945 đồng x 150.000.000 đồng x 100 ngày = 8.219.175 đồng; số tiền đã thu lợi bất chính là: 60.000.000 đồng - 8.219.175 đồng = 51.780.825 đồng.

Ngày 25/12/2018, do Đinh Diệu L không còn khả năng trả lãi, nên đến xin chốt lại số tiền nợ là 150.000.000 đồng không tính lãi, Vũ Thị L đồng ý, nhưng sau đó Đinh Diệu L không trả được tiền cho Vũ Thị L.

- Ngày 21/9/2019, Vũ Thị L gọi Đinh Diệu L đến nhà chốt sổ và bắt Đinh Diệu L phải trả số tiền là 170.000.000 đồng (trong đó có 150.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi). Đến nay Đinh Diệu L vẫn chưa trả.

Từ ngày 25/12/2018 đến ngày chốt sổ 21/9/2019 là 271 ngày, Vũ Thị L, Nguyễn Minh T tính lãi cho Đinh Diệu L là 20.000.000 đồng tương đương với lãi suất 492 đồng/triệu/ngày (17,96%/năm), khoản tiền lãi này chưa vượt quá mức lãi suất quy định.

Tổng số tiền Vũ Thị L và Nguyễn Minh T thu lợi bất chính từ việc cho Đinh Diệu L vay tiền là: 15.534.247,5 đồng + 5.178.082,5 đồng + 12.246.576 đồng + 51.780.825 đồng = 84.739.731 đồng.

2. Nguyễn Thu H, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Do có việc cần tiền, Nguyễn Thu H thông qua em chồng là Nông Thị Thùy T, trú tại ngách 1, ngõ 7, đường C, phường Đ, thành phố L cho biết có Vũ Thị L, Nguyễn Minh T cho vay tiền

- Ngày 04/6/2018, Nguyễn Thu H đến gặp Vũ Thị L, Nguyễn Minh T vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, 10 ngày trả lãi một lần 2.500.000 đồng, cắt lãi trước 10 ngày là 2.500.000 đồng, Nguyễn Thu H nhận 47.500.000 đồng. Tính đến 24/8/2018, Nguyễn Thu H đã trả cho Vũ Thị L tổng số 08 lần tiền lãi là 20.000.000 đồng. Còn nợ gốc và lãi.

Tiền lãi hợp pháp L và T được hưởng là: 547,945 đồng x 50.000.000 đồng x 80 ngày = 2.191.780 đồng; số tiền đã thu lợi bất chính là: 20.000.000 đồng - 2.191.780 đồng = 17.808.220 đồng.

Ngày 11/3/2019, Nguyễn Thu H đến gặp Vũ Thị L trả 10.000.000đ tiền gốc, còn lãi chưa tính xin nợ.

- Ngày 19/3/2019, mẹ đẻ của Nguyễn Thu H đến trả cho Vũ Thị L 40.000.000 đồng tiền gốc cho Nguyễn Thu H, còn tiền lãi Vũ Thị L thỏa thuận với mẹ Nguyễn Thu H là 15.000.000 đồng, trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, đến nay Nguyễn Thu H chưa trả.

Từ ngày 24/8/2018 đến ngày chốt sổ 19/3/2019 là 208 ngày, Vũ Thị L, Nguyễn Minh T tính lãi cho Nguyễn Thu H là 15.000.000 đồng tương đương với lãi suất 1.442,3 đồng/triệu/ngày (52,64%/năm), khoản tiền lãi này chưa vượt quá mức lãi suất quy định.

Tổng số tiền Vũ Thị L và Nguyễn Minh T thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thu H vay tiền là: 17.808.220 đồng.

3. Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971, trú tại số 501, chung cư khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Do có việc gia đình cần tiền nên Nguyễn Thị Thanh H đã đến gặp Vũ Thị L, Nguyễn Minh T để vay tiền cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Ngày 02/7/2018, Nguyễn Thị Thanh H và đồng nghiệp là Lương Thị Hồng Q, sinh năm 1971, trú tại số 5, ngõ 25C, đường B, phường Đ, thành phố L đến gặp Vũ Thị L, Nguyễn Minh T để hỏi vay tiền. Nguyễn Thị Thanh H vay của Vũ Thị L 30.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, (182,5%/năm), cắt lãi trước 10 ngày là 1.500.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh H nhận 28.500.000 đồng. Ngày 04/7/2018, Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục đến vay Vũ Thị L 20.000.000 đồng, lãi suất như trên, Vũ Thị L cắt lãi trước 10 ngày là 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh H nhận 19.000.000 đồng và thỏa thuận gộp hai khoản vay thành 50.000.000 đồng tính từ ngày 02/7/2018. Tính đến ngày 02/12/2018, Nguyễn Thị Thanh H đã trả cho Vũ Thị L 15 lần tiền lãi là 37.500.000 đồng, chưa trả tiền vay gốc.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 50.000.000 đồng x 150 ngày = 4.109.587,5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 37.500.000 đồng - 4.109.587,5 đồng = 33.390.412,5 đồng.

Lần 2: Ngày 22/11/2018, Nguyễn Thị Minh H đến gặp Vũ Thị L, Nguyễn Minh T để trả lãi lần 1 và tiếp tục đề nghị Vũ Thị L cho vay 20.000.000 đồng với hình thức vay bát họ (02 bát họ), cắt lãi trước 4.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh H nhận 16.000.000 đồng, trả trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị Thanh H trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 20.000.000 đồng x 50 ngày = 547.945 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng - 547.945 đồng = 3.452.055 đồng.

Ngày 04/4/2019, Nguyễn Thị Thanh H thống nhất với Vũ Thị L chốt nợ 60.000.000 đồng không trả lãi nữa. Vũ Thị L không đồng ý mà bắt Nguyễn Thị Thanh H viết giấy chốt nợ là 80.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi), mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, đến nay Nguyễn Thị Thanh H chưa trả lần nào.

Từ ngày 04/12/2018 đến ngày chốt nợ 04/4/2019 đối với khoản vay 50.000.000 là 120 ngày và từ ngày 12/01/2019 đến ngày 04/4/2019 đối với khoản vay 10.000.000 đồng là 80 ngày, Vũ Thị L, Nguyễn Minh T tính lãi cho Nguyễn Thị Thanh H là 20.000.000 đồng tương đương với lãi suất 2.941 đồng/triệu/ngày (107,35%/năm).

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay 50.000.000 đồng là: 547,945 đồng x 50.000.000 đồng x 120 ngày = 3.287.670 đồng; đối với khoản vay 10.000.000 đồng là: 547,945 đồng x

10.000.000 đồng x 80 ngày = 438.356 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng - 3.287.670 - 438.356 đồng = 16.273.974 đồng.

Tổng số tiền Vũ Thị L và Nguyễn Minh T thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Thị Thanh H vay tiền là: 33.390.412,5 đồng + 3.452.055 + 16.273.974 đồng = 53.116.441,5 đồng. *Trong đó số tiền lãi thực tế Vũ Thị L, Nguyễn Minh T đã nhận được là 36.842.267,5 đồng.*

4. Nông Thị G, sinh năm 1986, trú tại số 6/7, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn

Qua một số mối quan hệ xã hội, Nông Thị G biết được Vũ Thị L, Nguyễn Minh T cho vay tiền, Nông Thị G đã đến gặp Vũ Thị L, Nguyễn Minh T vay tiền các lần như sau:

Lần 1: Ngày 10/7/2018, Nông Thị G đến gặp Vũ Thị L, Nguyễn Minh T vay 30.000.000 đồng theo hình thức bát họ (03 bát họ), cắt lãi trước 7.500.000 đồng, Nông Thị G nhận 22.500.000 đồng, trả trong vòng 50 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng. Sau đó Nông Thị G trả được cho Vũ Thị L 40 ngày với số tiền 24.000.000 đồng, còn nợ 6.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 30.000.000 đồng x 50 ngày = 821.917,5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 7.500.000 đồng - 821.917,5 đồng = 6.678.082,5 đồng.

Lần 2: Ngày 21/8/2018, Nông Thị G vay tiếp của Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (182,5%/năm), 10 ngày trả lãi một lần, Vũ Thị L cắt lãi trước 10 ngày là 1.500.000 đồng và trừ 6.000.000 đồng tiền nợ gốc của khoản vay lần 1. Khoản vay này Nông Thị G đã trả được 9.000.000 đồng tiền lãi (bao gồm cắt lãi 1.500.000 đồng) (60 ngày).

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 30.000.000 đồng x 60 ngày = 986.301 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 9.000.000 đồng - 986.301 đồng = 8.013.699 đồng.

Lần 3: Ngày 04/10/2018, Nông Thị G vay thêm của Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày trả lãi một lần, Vũ Thị L cắt lãi trước 10 ngày là 1.000.000 đồng, Nông Thị G nhận 19.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 20.000.000 đồng x 10 ngày = 109.589 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 1.000.000 đồng - 109.589 đồng = 890.411 đồng.

Ngày 14/10/2018, Nông Thị G và Vũ Thị L thống nhất gộp chung khoản vay lần 2 và lần 3 thành 50.000.000 đồng, bắt đầu trả lãi tiếp từ ngày 14/10/2018, mỗi lần trả lãi 2.500.000đ, tổng cộng đến tháng 3/2019 Nông Thị G đã trả lãi 16 lần tương đương 40.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 50.000.000 đồng x 160 ngày = 4.383.560 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 40.000.000 đồng - 4.383.560 đồng = 35.616.440 đồng.

Lần 4: Ngày 30/3/2019, Nông Thị G vay thêm của Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 40.000.000 đồng, hẹn trả tiền trong 01 tháng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, Vũ Thị L cắt lãi trước 01 tháng là 6.000.000 đồng, Nông Thị G nhận 34.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp L và T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng/triệu x 40.000.000 đồng x 30 ngày = 657.534 đồng; số tiền đã thu lợi bất chính là: 6.000.000 đồng - 657.534 đồng = 5.342.466 đồng.

Ngày 30/6/2019, Ghi trả lãi của hai khoản vay trên là 15.000.000 đồng (khoản vay 50.000.000 đồng tính từ ngày 14/3/2019 đến ngày 30/6/2019 là 108 ngày và khoản vay 40.000.000 đồng từ ngày 30/4/2019 đến ngày 30/6/2019 là 60 ngày).

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay 50.000.000 đồng là: 547,945 đồng x 50.000.000 đồng x 108 ngày = 2.958.903 đồng; tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay 40.000.000 đồng là: 547,945 đồng/triệu x 40.000.000 đồng x 60 ngày = 1.315.068 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 15.000.000 đồng - (2.958.903 đồng + 1.315.068 đồng) = 10.726.029 đồng.

Ngày 27/8/2019, do chưa trả được tiền lãi và gốc nên Ghi đến gặp L, T thống nhất chốt sổ gốc và lãi là 100.000.000 đồng (trong đó 90.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi), thỏa thuận mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Đến tháng 9/2019, Ghi mới trả thêm được 5.000.000đ, còn nợ 95.000.000 đồng.

Từ ngày 30/6/2019 đến ngày chốt sổ 27/8/2019 là 90 ngày, Vũ Thị L, Nguyễn Minh T tính lãi cho Nông Thị G là 10.000.000 đồng tương đương với lãi suất 1.111,11 đồng/triệu/ngày (40,55%/năm), khoản tiền lãi này chưa vượt quá mức lãi suất quy định.

Tổng số tiền thu lợi bất chính Nguyễn Minh T, Vũ Thị L đã nhận là: 6.678.082,5 đồng + 8.013.699 đồng + 890.411 đồng + 35.616.440 đồng + 5.342.466 đồng + 10.726.029 đồng = 67.267.127,5 đồng.

Khi trả lãi, Nông Thị G thường trả trực tiếp cho Vũ Thị L, ngoài ra có một, hai lần thời điểm Vũ Thị L đi Singapore, Nông Thị G chuyển khoản từ Ngân hàng Maritime Bank đến số tài khoản của con gái Vũ Thị L là Nguyễn Thị N và tài khoản của Nguyễn Thị Ngọc L là người nhận chuyển tiền tính phí tại Ngân hàng BIDV.

5. Ngô Trung C, sinh năm 1985, trú tại số 59, đường H, phường C, thành phố L;

Do có việc kinh doanh cần tiền, nên C nói với Hoàng Việt A, sinh năm 1986, trú tại số 10/1, đường Tô Thị, phường Tam Thanh, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn có chỗ nào cho vay tiền nóng không đi vay hộ, sau đó Việt A đưa Ch đến gặp L, T bảo lãnh cho C vay tiền.

Lần 1: Ngày 31/7/2018, Ngô Trung C nhờ Việt A đưa đến nhà Vũ Thị L, Nguyễn Minh T để vay 30.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 30

ngày trả lãi một lần, Vũ Thị L cắt lãi trước 30 ngày là 4.500.000 đồng, Ngô Trung C nhận 25.500.000 đồng. Ngày 31/8/2018, Ngô Trung C đến trả cho Vũ Thị L 30.000.000 đồng tiền gốc.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay là: 547,945 đồng x 30.000.000 đồng x 30 ngày = 493.150,5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 4.500.000 đồng - 493.150,5 đồng = 4.006.849,5 đồng.

Lần 2: Ngày 02/10/2018, Ngô Trung C đến nhà Vũ Thị L, Nguyễn Minh T vay 40.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, Ngô Trung C nhận đủ 40.000.000 đồng. Ngày 21/10/2018, Ngô Trung C đến trả Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 44.000.000 đồng, gồm tiền vay gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi của 20 ngày.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng/triệu x 40.000.000 đồng x 20 ngày = 438.356 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 4.000.000 đồng - 438.356 đồng = 3.561.644 đồng.

Lần 3: Ngày 18/10/2018, Ngô Trung C cùng Việt A sang nhà Vũ Thị L, Nguyễn Minh T hỏi vay 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Ngày 28/10/2018, Ngô Trung C trả Vũ Thị L 21.000.000 đồng tiền gốc, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi của 10 ngày.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 20.000.000 đồng x 10 ngày = 109.589 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 1.000.000 đồng - 109.589 đồng = 890.411 đồng.

Lần 4: Ngày 10/5/2019, Ngô Trung C và Việt A sang nhà Vũ Thị L, Nguyễn Minh T vay 50.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 30 ngày trả lãi một lần. Ngày 10/6/2019, Chính đến nhà L trả số tiền 57.000.000 đồng gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 7.000.000 đồng tiền lãi của 30 ngày, thực tế là 7.500.000 đồng tiền lãi nhưng Ngô Trung C xin bớt lại 500.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 50.000.000 đồng x 30 ngày = 821.917,5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 7.000.000 đồng - 821.917,5 đồng = 6.178.082,5 đồng.

Tổng số tiền Vũ Thị L và Nguyễn Minh T thu lợi bất chính từ việc cho Ngô Trung C vay tiền là: 4.006.849,5 đồng + 3.561.644 đồng + 890.411 đồng + 6.178.082,5 đồng = 14.636.987 đồng.

6. Lương Thị Hồng Q, sinh năm 1971, trú tại số 5, ngõ 25C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Do có việc gia đình cần tiền nên Lương Thị Hồng Q đã nhờ Đinh Diệu L giới thiệu và đưa đến nhà Vũ Thị L và Nguyễn Minh T để vay tiền. Khi vay tiền Lương Thị Hồng Q đặt cho Vũ Thị L 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ hội viên Hội nhà báo Việt Nam, 01 chứng chỉ ngoại ngữ, 01 chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, 01 giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng.

Lần 1: Ngày 13/8/2018, Lương Thị Hồng Q được Đinh Diệu L đưa đến gặp Vũ Thị L vay 60.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, trả lãi 30 ngày một lần là 9.000.000 đồng. Từ ngày 13/9/2018 đến 13/11/2018, Lương Thị Hồng Q đã trả 03 lần tiền lãi là 27.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 60.000.000 đồng x 90 ngày = 2.958.903 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 27.000.000 đồng - 2.958.903 đồng = 24.041.097 đồng.

Lần 2: Ngày 23/9/2018, Lương Thị Hồng Q tiếp tục vay L 20.000.000 đồng, theo hình thức bát họ (02 bát họ), cắt lãi trước 4.000.000 đồng, Lương Thị Hồng Q nhận 16.000.000 đồng, trả gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng. Khoản này Lương Thị Hồng Q đã thanh toán xong.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 20.000.000 đồng x 50 ngày = 547.945 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 4.000.000 đồng - 547.945 đồng = 3.452.055 đồng.

Lần 3: Ngày 13/10/2018, Lương Thị Hồng Q đến nhà Vũ Thị L và Nguyễn Minh T vay thêm 10.000.000 đồng và thống nhất gộp với khoản vay 60.000.000 đồng thành 70.000.000 đồng, tính lãi suất 9.000.000 đồng/tháng (12,85%/tháng). Do không có khả năng trả lãi, ngày 17/01/2019, Lương Thị Hồng Q đến nhà Vũ Thị L và Nguyễn Minh T chốt số nợ là 80.000.000 đồng (gồm 70.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Khoản này Lương Thị Hồng Q chưa trả cho Vũ Thị L.

Từ ngày 13/10/2018 đến ngày chốt sổ 17/01/2019 là 97 ngày, Vũ Thị L, Nguyễn Minh T tính lãi cho Lương Thị Hồng Q là 10.000.000 đồng tương đương với lãi suất 1.472,75 đồng/triệu/ngày (53,75%/năm), khoản tiền lãi này chưa vượt quá mức lãi suất quy định.

Tổng số tiền Vũ Thị L và Nguyễn Minh T thu lợi bất chính từ việc cho Lương Thị Hồng Q vay tiền là: 24.041.097 đồng + 3.452.055 đồng = 27.493.152 đồng.

7. Vũ Lan H, sinh năm 1988, trú tại số 29, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Lần 1: Ngày 16/8/2018, Vũ Lan H đi cùng La Bích H, sinh năm 1985, trú tại đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đến nhà Vũ Thị L, Nguyễn Minh T để vay 40.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (182,5%/năm), 10 ngày trả lãi một lần là 2.000.000 đồng, Vũ Thị L cắt lãi trước 10 ngày là 2.000.000 đồng, Vũ Lan H nhận 38.000.000 đồng và đặt giấy tuyển dụng và chứng minh thư nhân dân. Từ ngày 16/8/2018 đến 26/11/2018 Vũ Lan H trả cho Vũ Thị L 11 lần (110 ngày) tiền lãi là 22.000.000 đồng (bao gồm cả cắt lãi). Vũ Lan H còn nợ lãi và gốc.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 40.000.000 đồng x 110 ngày = 2.410.958 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 22.000.000 đồng – 2.410.958 đồng = 19.589.042 đồng.

Lần 2: Ngày 21/8/2018, Vũ Lan H đến gặp Vũ Thị L vay tiếp 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (182,5%/năm), 10 ngày trả lãi một lần, cắt lãi trước 10 ngày là 1.500.000 đồng, Vũ Lan H nhận 28.500.000 đồng. Từ 21/8/2018 đến 21/9/2018, Vũ Lan H đã trả cho Vũ Thị L tổng cộng 04 lần (40 ngày) tiền lãi là 6.000.000 đồng (bao gồm cả cắt lãi). Vũ Lan H còn nợ lãi và gốc.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 30.000.000 đồng x 40 ngày = 657.534 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 6.000.000 đồng - 657.534 đồng = 5.342.466 đồng.

Lần 3: Ngày 30/9/2018, Vũ Lan H vay Vũ Thị L 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Vũ Thị L và Vũ Lan H thỏa thuận gộp khoản vay này với khoản vay thứ 2 thành 60.000.000 đồng, 10 ngày trả lãi một lần, Vũ Thị L cắt lãi trước 10 ngày là 3.000.000 đồng, Vũ Lan H nhận 27.000.000 đồng. Từ 30/9/2018 đến 31/12/2018, Vũ Lan H đã trả cho Vũ Thị L 10 lần (100 ngày) là 30.000.000 đồng tiền lãi (bao gồm cả cắt lãi). Đến ngày 31/01/2019, Vũ Lan H trả thêm 3 lần (30 ngày) tiền lãi là 9.000.000 đồng. Nợ gốc chưa trả.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 60.000.000 đồng x 130 ngày = 4.273.971 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 39.000.000 đồng - 4.273.971 đồng = 34.726.029 đồng.

Lần 4: Ngày 19/11/2018, Vũ Lan H vay Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 25.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, cắt lãi trước 10 ngày là 1.250.000 đồng, Vũ Lan Hương nhận 23.750.000 đồng. Ngày 28/11/2018, Vũ Lan H đã trả 25.000.000 đồng tiền gốc cho Vũ Thị L.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 25.000.000 đồng x 10 ngày = 136.986,25 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 1.250.000 đồng - 136.986,255 đồng = 1.113.013,7 đồng.

Lần 5: Ngày 26/11/2018, Vũ Lan H vay Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 50.000.000 đồng và thống nhất gộp chung khoản vay này với khoản vay lần 1 là 40.000.000 đồng thành 90.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, Vũ Thị L cắt trước 10 ngày tiền lãi là 2.500.000 đồng, Vũ Lan H nhận 47.500.000 đồng. Từ ngày 26/11/2018 đến 26/12/2019, Vũ Lan H đã trả 03 lần (30 ngày) là 13.500.000 đồng tiền lãi (bao gồm cả cắt lãi 2.500.000 đồng). Đến ngày 31/01/2019, Vũ Lan H trả tiếp cho Vũ Thị L 03 lần (30 ngày) tiền lãi là 12.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 90.000.000 đồng x 60 ngày = 2.958.903 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 25.500.000 đồng - 2.958.903 đồng = 22.541.097 đồng.

Ngày 25/3/2019, do không đủ khả năng trả lãi, Vũ Lan H đến nhà Vũ Thị L chốt nợ là 150.000.000 đồng và Vũ Lan H trả 100.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng. Vũ Thị L yêu cầu đến ngày 01/7/2019 Vũ Lan H phải trả cho Vũ Thị L số tiền 70.000.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi). Từ đó đến nay Vũ Lan H chưa trả.

Từ ngày 31/01/2019 đến ngày chốt sổ 25/3/2019 là 54 ngày, L, T tính lãi cho Hương là 20.000.000 đồng tương đương với lãi suất 2.469,13 đồng/triệu/ngày (90,12%/năm), khoản tiền lãi này chưa vượt quá mức lãi suất quy định.

Tổng số tiền Vũ Thị L và Nguyễn Minh T thu lợi bất chính từ việc cho Vũ Lan H vay tiền là: 19.589.042 đồng + 5.342.466 đồng + 34.726.029 đồng + 1.113.013,7 đồng + 22.541.097 đồng = 83.311.647,7 đồng.

8. Hà Thành K, sinh năm 1982, trú tại thôn Q 1, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Lần 1: Ngày 21/9/2018, do cần tiền để đầu tư kinh doanh, Hà Thành K vay Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 01 tháng trả lãi một lần là 7.500.000 đồng, Hà Thành K đặt cho Vũ Thị L giấy chứng minh nhân dân. Từ ngày 21/9/2018 đến ngày 21/12/2018, Hà Thành K đã trả tổng số 03 lần (90 ngày) tiền lãi là 22.500.000 đồng, còn nợ tiền gốc.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 50.000.000 đồng x 90 ngày = 2.465.752,5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 22.500.000 đồng - 2.465.752,5 đồng = 20.034.247,5 đồng.

Lần 2: Ngày 26/10/2018, do Hà Thành K mới vay Vũ Thị L 50.000.000 đồng, nên Hà Thành K nhờ Bế Văn H, sinh năm 1966, trú tại số 23/4, T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đứng ra vay hộ tiền, Hà Thành K cùng Bế Văn H đến gặp Vũ Thị L hỏi vay 40.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 01 tháng trả lãi 6.000.000 đồng, Bế Văn H đặt cho Vũ Thị L giấy chứng minh nhân dân, khoản vay này người đứng tên vay là Bế Văn H. Đến ngày 26/12/2018, Hà Thành K đã trả 02 tháng tiền lãi là 12.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 40.000.000 đồng x 60 ngày = 1.315.068 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 12.000.000 đồng - 1.315.068 đồng = 10.684.932 đồng.

- Đến cuối tháng 12/2018, do Bế Văn H bị Vũ Thị L gọi điện đòi tiền nhiều lần, nên Hà Thành K đến nói với Vũ Thị L khoản vay 40.000.000 triệu là của Hà Thành K, Vũ Thị L bắt Hà Thành K viết giấy vay tiền mới cộng hai khoản vay là 90.000.000 đồng, tính lãi suất 4.000đ/triệu/ngày. Hà Thành K xin Vũ Thị L lấy lại chứng minh nhân dân của Hà Thành K và Bế Văn H. Từ tháng 01/2019 đến tháng 3/2019 Hà Thành K trả cho Vũ Thị L 02 tháng tiền lãi là 20.000.000đ.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản này là: 547,945 đồng x 90.000.000 đồng x 60 ngày = 2.958.903 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 20.000.000 đồng - 2.958.903 đồng = 17.041.097 đồng.

- Cuối tháng 3/2019 do không có khả năng trả lãi, Hà Thành K xin Vũ Thị L giảm tiền lãi xuống còn 7.000.000đ/tháng, sau đó Hà Thành K đóng được thêm 01 tháng tiền lãi (từ tháng 3/2019 đến 6/2019) là 7.000.000đ, Hà Thành K nợ lãi và gốc;

Vũ Thị L, Nguyễn Minh T tính lãi cho Hà Thành K là 7.000.000 đồng/tháng tương đương với lãi suất 2.593 đồng/triệu/ngày (94,6%/năm), khoản tiền lãi này chưa vượt quá mức lãi suất quy định.

- Tháng 7/2019, do không có khả năng trả lãi, Hà Thành K đến gặp Vũ Thị L chốt nợ với số tiền 110.000.000đ (gồm 90.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi), sau đó Hà Thành K và vợ đến xin Vũ Thị L giảm xuống còn 100.000.000 đồng (chỉ còn 10.000.000 đồng tiền lãi), hiện Hà Thành K đã trả được 50.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 50.000.000 đồng.

Từ tháng 4/2019 đến khi chốt sổ tháng 7/2019 là 120 ngày, Vũ Thị L, Nguyễn Minh T tính lãi cho Hà Thành K là 10.000.000 đồng/tháng tương đương với lãi suất 926 đồng/triệu/ngày (33,8%/năm), khoản tiền lãi này chưa vượt quá mức lãi suất quy định.

Tổng số tiền Vũ Thị L và Nguyễn Minh T thu lợi bất chính từ việc cho Hà Thành K vay tiền là: 20.034.247 đồng + 10.684.932 đồng + 17.041.097 đồng = 47.760.276,5 đồng.

9. Vũ Thị H, sinh năm 1985, trú tại số 30A, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Lần 1: Ngày 15/10/2018, Vũ Thị H đến gặp Vũ Thị L, Nguyễn Minh T vay 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày trả lãi một lần là 1.000.000 đồng. Đến cuối tháng 11/2018, Vũ Thị H trả cho Vũ Thị L 4 lần tiền lãi là 4.000.000 đồng, còn tiền gốc chưa trả. Tháng 12/2018, Vũ Thị H trả thêm 01 lần tiền lãi là 1.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 20.000.000 đồng x 50 ngày = 547.945 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 5.000.000 đồng - 438.356 đồng = 4.452.055 đồng.

Lần 2: Ngày 05/12/2018, Vũ Thị H vay tiếp Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, cắt lãi trước 10 ngày là 500.000 đồng, Vũ Thị H nhận 9.500.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 10.000.000 đồng x 10 ngày = 54.795 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 500.000 đồng - 54.795 đồng = 445.205 đồng.

- Sau đó vài ngày, khi Vũ Thị H đến trả lãi cho khoản vay lần 1 đã thống nhất với Vũ Thị L gộp 02 khoản vay thành 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày trả lãi một lần là 1.500.000 đồng. Từ tháng 12/2018 đến 6/2019, Vũ Thị H đã trả cho Vũ Thị L 30.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ tiền gốc.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay sau khi gộp là: 547,945 đồng x 30.000.000 đồng x 200 ngày = 3.287.670 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 30.000.000 đồng - 3.287.670 đồng = 26.712.330 đồng.

Lần 3: Ngày 19/3/2019, Vũ Thị H tiếp tục vay của Vũ Thị L 10.000.000 đồng theo hình thức bát họ, Vũ Thị L cắt lãi trước 2.000.000 đồng, Vũ Thị H nhận 8.000.000 đồng, trả trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, khoản này Vũ Thị H đã trả được 8.000.000 đồng, còn nợ 2.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 10.000.000 đồng x 50 ngày = 273.972,5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 2.000.000 đồng - 273.972,5 đồng = 1.726.027,5 đồng.

Lần 4: Ngày 29/4/2019, Vũ Thị H vay Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 10.000.000 đồng cũng với hình thức vay bát họ, thỏa thuận trả trong 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, Vũ Thị L cắt lãi trước 2.000.000 đồng và cắt thêm 2.000.000 đồng tiền nợ của khoản vay trước chưa trả, Vũ Thị H nhận 6.000.000 đồng. Khoản này Vũ Thị H đã thanh toán xong.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 10.000.000 đồng x 50 ngày = 273.972,5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 2.000.000 đồng - 273.972,5 đồng = 1.726.027,5 đồng.

Lần 5: Tháng 5/2019, Vũ Thị H vay Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 20.000.000 đồng với hình thức vay bát họ, thỏa thuận trả tiền trong 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, Vũ Thị L cắt lãi trước 4.000.000 đồng, Vũ Thị H nhận 16.000.000 đồng. Khoản này Vũ Thị H đã trả được 18.800.000 đồng, còn nợ 1.200.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay thứ năm là: 547,945 đồng x 20.000.000 đồng x 50 ngày = 547.945 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 4.000.000 đồng - 547.945 đồng = 3.452.055 đồng.

Lần 6: Tháng 6/2019, Vũ Thị H vay tiếp của Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 20.000.000 đồng với hình thức vay bát họ, thỏa thuận trả trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, Vũ Thị L cắt lãi trước 4.000.000 đồng, Vũ Thị H nhận 16.000.000 đồng. Khoản vay này Vũ Thị H trả được 5.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng đối với khoản vay này là: 547,945 đồng x 20.000.000 đồng x 50 ngày = 547.945 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 4.000.000 đồng - 547.945 đồng = 3.452.055 đồng.

Đến tháng 8/2019, do không có khả năng trả nợ Vũ Thị H đến gặp Vũ Thị L, Nguyễn Minh T để chốt nợ gốc là 46.200.000 đồng, tính tròn là 46.000.000 đồng, sau đó Vũ Thị H đã trả cho Vũ Thị L được 3.000.000 đồng, hiện còn nợ 43.000.000 đồng.

Tổng số tiền Vũ Thị L, Nguyễn Minh T thu lợi bất chính trong việc cho Vũ Thị H vay tiền là: (4.452.055 đồng + 445.205,5 đồng + 26.712.330 đồng + 1.726.027,5 đồng + 1.726.027,5 đồng + 3.452.055 đồng + 3.452.055 đồng) = 41.965.755,5 đồng.

10. Vũ Ngọc T, sinh năm 1989; trú tại số 37, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 10/4/2019, Vũ Ngọc T vay của Vũ Thị L, Nguyễn Minh T 50.000.000 đồng, lãi suất 3.300 đồng/triệu/ ngày, 01 tháng trả tiền lãi là 5.000.000 đồng, cắt lãi trước 5.000.000 đồng, Vũ Ngọc T nhận 45.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/10/2019, Vũ Ngọc T đã trả 07 lần tiền lãi tổng cộng là 35.000.000 đồng, hiện còn nợ gốc. Khi vay Vũ Ngọc T có đặt cho Vũ Thị L giấy phép lái xe.

Tiền lãi hợp pháp Vũ Thị L và Nguyễn Minh T được hưởng là: 547.945 đồng x 50.000.000 đồng x 210 ngày = 5.753.422.5 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 35.000.000 đồng - 5.753.442,5 đồng = 29.246.577,5 đồng.

Tổng số tiền Vũ Thị L và Nguyễn Minh T thu lợi bất chính từ việc cho những người vay tiền nêu trên là: 84.739.731 đồng + 17.808.220 đồng + 53.116.441,5 đồng + 67.267.127,5 đồng + 14.636.987 đồng + 27.493.152 đồng + 83.311.647,7 đồng + 47.760.276,5 đồng + 41.965.755,5 đồng + 29.246.577,5 đồng = 467.345.916,2 đồng. Trong đó số tiền lãi Vũ Thị L, Nguyễn Minh T đã thực nhận là 451.071.742,2 đồng.

Ngoài ra tại cơ quan Điều tra Nguyễn Minh T và Vũ Thị L còn khai đã cho một số người liên quan vay tiền với lãi suất cao, Cơ quan điều tra đã xác minh những người liên quan không có mặt tại địa phương nơi cư trú, chưa lấy được lời khai nên chưa đủ căn cứ để kết luận, cụ thể gồm những người sau: Lương Thị Hải Y, sinh năm 1993, trú tại số 40, đường L, phường V, thành phố L; Liễu Thu H, sinh năm 1984, trú tại số 84, đường M, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Lương Thị T, sinh năm 1974, trú tại ngõ 80, đường L, khối 7, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; La Bích H, sinh năm 1985, trú tại đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; La Thanh H, sinh năm 1985, trú tại số 23/1, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Đỗ Thanh S, sinh năm 1994, trú tại số 11, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Dương Thúy A, sinh năm 1977, trú tại: Ngõ 8, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Gìn Thị Bích N (L quen ở quán nước, không rõ địa chỉ cụ thể); Hứa Thị Thúy H (L quen ở quán nước); Nông Thị Thùy T, sinh năm 1995, trú tại: Ngách 1, ngõ 7, đường C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Hoàng Ngọc S, sinh năm 1993, trú tại số 68 L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nhờ Bùi Thanh T đứng ra vay hộ. Do những người liên quan không có mặt ở địa phương, cơ quan Điều tra không xác định được đang ở đâu nên không đủ căn cứ kết luận việc cho vay tiền và số tiền thu lợi bất chính của Vũ Thị L, Nguyễn Minh T đối với những khoản vay này.

Đối với một số người được Nguyễn Minh T và Vũ Thị L cho vay tiền không tính lãi gồm những người sau: Hoàng Thị Hà P, sinh năm 1993, trú tại số 9/27, đường B, phường Đ, thành phố L, Nguyễn Thị N, sinh năm 1963, trú tại: Số 505, đường B, phường Đ, thành phố L; Đỗ Quang L, sinh năm 1989, trú tại: Số 18, đường N, phường V, thành phố L; Trần Thị B, sinh năm 1970, trú tại: Số 35, T, phường C, thành phố L; Bùi Thị L, sinh năm 1986, trú tại: Số 10/27, đường B, phường Đ, thành phố L; Đặng Tuấn A, sinh năm 1994, trú tại: Số 68, đường L, phường H, thành phố L: Đây là những khoản vay không tính lãi suất,

xác định đây là quan hệ dân sự, nên Cơ quan Điều tra không xem xét giải quyết trong vụ án.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS-P1 ngày 12/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố các bị cáo Vũ Thị L và Nguyễn Minh T về tội Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Thị L và Nguyễn Minh T đều thừa nhận: Từ tháng 3/2018 đến ngày 31/10/2019, các bị cáo đã cho chị Đinh Diệu L, chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nông Thị G, anh Ngô Trung C, chị Lương Thị Hồng Q, chị Vũ Lan H, anh Hà Thành K, chị Vũ Thị H, anh Vũ Ngọc T đều sinh sống, cư trú trên địa bàn thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vay tiền lãi suất cao từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, các bị cáo thu lợi bất chính tổng số tiền là 467.345.916,2 đồng, trong đó số tiền lãi Vũ Thị L, Nguyễn Minh T đã thực nhận là 451.071.742,2 đồng. Ngoài ra các bị cáo còn khai nhận cho một số người liên quan vay nhưng họ không còn ở nơi cư trú và cho một số anh em, bạn bè thân quen vay không lấy lãi.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Lan H khai nhận được 05 lần vay tiền của bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T lãi suất 5.000đồng/triệu/ngày, chị đã trả cho các bị cáo tổng cộng 83.311.647 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 01/7/2019 chị Vũ Lan H còn nợ 70.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng là tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi. Chị Vũ Thị H khai được vay của hai bị cáo 06 lần, chị đã trả tổng cộng 41.965.755 đồng tiền lãi, hiện chị còn nợ số tiền 43.000.000 đồng.

Tại cơ quan Điều tra những người liên quan: Chị Đinh Diệu L khai chị vay của các bị cáo 03 lần, hiện vẫn đang còn nợ 150.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi; chị Nguyễn Thị Thanh H khai được vay 02 lần hiện còn nợ 60.000.000 đồng tiền gốc, khi vay có để lại một sổ Bảo hiểm xã hội; chị Nông Thị G khai vay 04 lần chỉ trả được lãi, hiện còn nợ gốc 90.000.000 đồng; chị Lương Thị Hồng Q khai vay 03 lần hiện còn nợ 70.000.000 đồng, khi vay chị có đặt 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ hội viên nhà báo Việt Nam, 01 chứng chỉ ngoại ngữ, 01 chứng chỉ hoàn thành bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước, 01 giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng quốc phòng an ninh; anh Hà Thành K khai được vay tiền của các bị cáo 02 lần, hiện còn nợ 50.000.000 đồng; anh Vũ Ngọc T khai có vay các bị cáo số tiền 50.000.000 đồng trả lãi 07 lần số tiền 35.000.000 đồng, khi vay có đặt 01 giấy phép lái xe mô tô nhưng sau đó một thời gian đã được Nguyễn Minh T trả giấy phép lái xe, hiện vẫn còn nợ gốc; chị Nguyễn Thu H và anh Ngô Trung C khai có được vay tiền các bị cáo nhưng đều đã trả xong cả gốc và lãi, không còn nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị L và Nguyễn Minh T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị L mức án từ 06 đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù; Không áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo;

Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Truy thu đối với các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T truy thu đối với các bị cáo số tiền gốc là 468.800.000 đồng; truy thu đối với các bị cáo tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 61.998.193 đồng; các bị cáo phải liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cụ thể: Chị Đinh Diệu L số tiền là 84.739.700 đồng; chị Nguyễn Thu H số tiền 17.808.200 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền 36.842.200 đồng; chị Nông Thị G số tiền 67.267.000 đồng; anh Ngô Trung C số tiền 14.636.900 đồng; chị Lương Thị Hồng Q số tiền 27.493.000 đồng; chị Vũ Lan H số tiền 83.311.600 đồng; anh Hà Thành K số tiền 47.760.000 đồng; chị Vũ Thị H số tiền 41.965.700 đồng; anh Vũ Ngọc T số tiền 29.246.500 đồng.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ số tiền của các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T phải nộp số tiền còn nợ để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Chị Đinh Diệu L phải nộp số tiền là 150.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp số tiền 60.000.000 đồng; chị Nông Thị G phải nộp số tiền 90.000.000 đồng; chị Lương Thị Hồng Q phải nộp số tiền 70.000.000 đồng; chị Vũ Lan H phải nộp số tiền 50.000.000 đồng; anh Hà Thành K phải nộp số tiền 40.000.000 đồng; chị Vũ Thị H phải nộp số tiền 46.200.000 đồng; anh Vũ Ngọc T phải nộp số tiền 50.000.000 đồng.

Tịch thu để tiêu hủy 01 tấm băng rôn; 01 khẩu trang y tế; 04 quyển sổ tay; trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H 01 sổ bảo hiểm xã hội; trả lại cho chị Lương Thị Hồng Q gồm: 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ hội viên Hội nhà báo Việt Nam, 01 chứng chỉ ngoại ngữ, 01 chứng chỉ hoàn thành Chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước, 01 giấy chứng nhận hoàn thành Chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh.

Lưu hồ sơ vụ án gồm: 01 (một) tờ giấy A4 có chữ viết tay mang tiêu đề giấy hẹn trả nợ viết ngày 21/9/2019, người vay tiền là Đinh Diệu L; 01 (một) giấy vay tiền mang tên Bùi Thanh Tâm; 01(một) quyển sổ màu đỏ, bên trong ghi các con số và chữ. 01 hợp đồng vay tiền, người vay tên Đặng Tuấn Anh, thời hạn vay từ 30/4/2019 đến 30/8/2019; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Vũ Thị H, thời hạn vay từ 19/3/2019 đến 19/4/2019; 01 (một) quyển sổ tay màu tím than, bìa ghi chữ KORLOY bên trong ghi các con số và chữ; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Lương Thị Hải Y; 01 (một) tờ giấy dòng kẻ ngang có tiêu đề "cô L thanh toán với Y từ 10/3" có ghi các con số; 01 (một) mẩu giấy hình chữ nhật có chữ "lập1/2" bên trong có ghi các con số; 01 (một) quyển sổ tay bên ngoài bìa có in dòng chữ KIUCHI bên trong có ghi các con số và chữ; 01 (một)

hợp đồng vay tiền cá nhân mang tên người vay Nguyễn Thị Thanh H ghi ngày 02/7/2018, 01 hợp đồng vay tiền cá nhân mang tên người vay Nguyễn Thị Thanh H ghi ngày 04/7/2018, 01 (một) hợp đồng đặt cọc có chữ viết và chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H; 01 (một) hợp đồng đặt cọc ngày 28/6/2018 có chữ ký của Lương Thị Hồng Q, 01 hợp đồng vay tiền của Lương Thị Hồng Q ghi ngày 28/6/2018, 01 (một) hợp đồng vay tiền của Lương Thị Hồng Q ghi ngày 04/7/2018; 01 (một) giấy nộp tiền mặt ghi tên Phạm Quang Thiều; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Dương Thúy Anh, 01 hợp đồng đặt cọc mang tên Dương Thúy A; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Nguyễn Thành K; 01 (một) giấy nộp tiền mặt ghi tên Phạm Quang T; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Dương Thúy A, 01 (một) hợp đồng đặt cọc mang tên Dương Thúy A; 01 (một) giấy trả nợ số tiền 100.000.000 đồng của chị Vũ Lan H viết ngày 25/3/2019, 01 ảnh cỡ A4 có tiêu đề "Anh K chồng chị N".

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị L và bị cáo Nguyễn Minh T: Ông Bế Quang H, trình bày: Về trách nhiệm hình sự đồng tình với cáo trạng về tội danh đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, bị cáo Vũ Thị L là người có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo là đồng phạm thứ yếu. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự tìm đến các bị cáo để thỏa thuận vay tiền, đề xuất mức lãi suất do vậy những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng tự tạo điều kiện cho các bị cáo phạm tội và họ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp với mức án Viện kiểm sát đề nghị, thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước. Bị cáo Nguyễn Minh T sau khi phạm tội đã tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra giao nộp toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc phạm tội, bị cáo thể hiện có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, vì vậy đề nghị áp dụng cho bị cáo Nguyễn Minh T tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Thị L và bị cáo Nguyễn Minh T thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân. Các bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận lại với đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị L và bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản sự việc lập vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 31/10/2019 và các vật chứng đã thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến ngày 31/10/2019 các bị cáo đã nhiều lần giao dịch với chị Đinh Diệu L, chị

Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nông Thị G, anh Ngô Trung C, chị Lương Thị Hồng Q, chị Vũ Lan H, anh Hà Thành K, chị Vũ Thị H, anh Vũ Ngọc T. Các bị cáo cho vay với mức lãi xuất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày tương đương từ 109.5%/năm đến 182,5%/năm; thu lợi bất chính tổng số tiền là 451.071.742 đồng (vượt mức cho phép quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự). Những người liên quan còn nợ các bị cáo tổng số tiền là 563.000.000 đồng. Do đó, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là được pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích ham lợi và coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện. Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn; bị cáo Nguyễn Minh T là người có vai trò chính, bị cáo Vũ Thị L có vai trò đồng phạm, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hậu quả chung. Các bị cáo nhận thức được hành vi Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự là trái phép bị pháp luật ngăn cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy đối với hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Để áp dụng mức hình phạt phù hợp với các bị cáo, cần đánh giá mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên, để có mức án thỏa đáng còn phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan của bị cáo, trên cơ sở xem xét lời đề nghị, luận tội của Viện kiểm sát.

[5] Xét về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, bị cáo Nguyễn Minh T có 01 tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Vũ Thị L phạm tội lần đầu, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã đến Cơ quan Công an để đầu thú, bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Vũ Thị L có thêm tình tiết giảm nhẹ quy đinh tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tình tăng nặng: Không có.

[7] Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử thấy lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, đối với bị cáo Nguyễn Minh T cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo Vũ Thị L, xét thấy trong quá trình điều tra, được Cơ quan điều tra cho tại ngoại đến nay, bị cáo không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, đã thực sự hối cải, có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo này ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

[9] Quá trình điều tra đã xác định những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T nhưng hiện chưa trả cho các bị cáo. Đây là số tiền các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, là giao dịch dân sự vô hiệu, các bị cáo và người liên quan phải trả lại tiền cho nhau đã nhận, buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại để sung vào Ngân sách nhà nước, cụ thể:

[10] Chị Đinh Diệu L phải nộp số tiền là 150.000.000 đồng;

[11] Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp số tiền 60.000.000 đồng;

[12] Chị Nông Thị G phải nộp số tiền 90.000.000 đồng;

[13] Chị Lương Thị Hồng Q phải nộp số tiền 70.000.000 đồng;

[14] Chị Vũ Lan H phải nộp số tiền 50.000.000 đồng;

[15] Anh Hà Thành K phải nộp số tiền 40.000.000 đồng;

[16] Chị Vũ Thị H phải số tiền 46.200.000 đồng;

[17] Anh Vũ Ngọc T phải số tiền 50.000.000 đồng.

[18] Đối với số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền là 61.998.193 đồng. Đối đối với số tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho các bị cáo, cần truy thu sung để công quỹ Nhà nước số tiền là 468.800.000 đồng;

[19] Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ những vật chứng, cần xử lý như sau:

[20] Đối với 01(một) tấm băng rôn làm từ vải bạt phông tráng, in màu, kích thước dài 1,1m, rộng 0,5m; một mặt màu trắng, một mặt có in hình chân dung 02 phụ nữ tên Q, H. Bên dưới cùng có dòng chữ "Yêu cầu Q, H trả tiền như đã hẹn đừng làm mất danh dự Đảng viên suy đồi đạo đức"; 01 (một) khẩu trang y tế cần tịch thu để tiêu hủy;

[21] Đối với 01 quyển sổ tay bên ngoài bìa có in dòng chữ KIUCHI bên trong có ghi các con số và chữ; 01 quyển sổ tay ngoài bìa in dòng chữ Pd8, bên trong có ghi các con số và chữ; 01 quyển sổ tay bìa có in dòng chữ "JS Creates" bên trong có ghi số và chữ; 01 quyển sổ tay bìa có in chữ "KORSOY" bên trong có ghi số và chữ liên quan đến việc phạm tội, cần tịch thu để tiêu hủy;

[22] Đối với 01(một) quyển sổ tay bìa màu đen có in chữ "ATLAS" bên trong có ghi số và chữ; 01 (một) tờ giấy A4 có chữ viết tay mang tiêu đề giấy hẹn trả nợ viết ngày 21/9/2019, người vay tiền là Đinh Diệu L; 01 (một) giấy vay tiền mang tên Bùi Thanh Tâm; 01 (một) hợp đồng vay tiền, người vay tên Đặng Tuấn Anh, thời hạn vay từ 30/4/2019 đến 30/8/2019; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Vũ Thị H, thời hạn vay từ 19/3/2019 đến 19/4/2019; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Lương Thị Hải Y; 01 (một) tờ giấy dòng kẻ ngang có tiêu đề "cô L thanh toán với Yến từ 10/3" có ghi các con số; 01 (một) mẩu giấy hình chữ nhật có chữ "lập1/2" bên trong có ghi các con số; 01 (một) hợp đồng vay tiền cá nhân mang tên người vay Nguyễn Thị Thanh H ghi ngày 02/7/2018, 01(một) hợp đồng vay tiền cá nhân mang tên người vay Nguyễn Thị Thanh H ghi ngày 04/7/2018; 01 (một) hợp đồng đặt cọc có chữ viết và chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H; 01 (một) hợp đồng đặt cọc ngày 28/6/2018 có chữ ký của Lương Thị Hồng Q; 01 (một) hợp đồng vay tiền của Lương Thị Hồng Q ghi ngày 28/6/2018; 01 hợp đồng vay tiền của Lương Thị Hồng Q ghi ngày 04/7/2018, 01 (một) tờ giấy A4, một mặt in hình nam thanh niên, bên trên ảnh có dòng chữ "tôi là K" hiện đang được lưu tại hồ sơ vụ án.

[23] Đối với 01 (một) sổ bảo hiểm xã hội màu xanh lá cây, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H;

[24] Đối với 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ hội viên Hội nhà báo Việt Nam, 01 chứng chỉ ngoại ngữ, 01 chứng chỉ hoàn thành Chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước, 01 giấy chứng nhận hoàn thành Chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đều mang tên Lương Thị Hồng Q, trả lại cho chị Lương Thị Hồng Q;

[25] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đỏ, số IMEI1: 358625100271487, IMEI2: 358625100271495, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chi tiết, bên trong lắp 01 sim mạng Vinaphone thuê bao số 0914.939.963, thu giữ của bị cáo Vũ Thị L liên quan đến việc phạm tội, cần tịch thu để hóa giá sung Ngân sách Nhà nước.

[26] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty, Biển kiểm soát: 12P1-097.97, màu xanh xám, không có gương chiếu hậu, số khung 3401EV111307, số máy: M739M5012445 thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T. Quá trình điều tra xác định là xe của chị Nguyễn Thị N, ngày 24/12/2019, Cơ

quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Thị N, trước khi vụ án đưa ra xét xử nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[27] Đối với những người liên quan Lương Thị Hải Y, Liễu Thu H, Lương Thị Thúy, La Bích H, La Thanh H, Đỗ Thanh S, Dương Thúy A, Gìn Thị Bích N, Hứa Thị Thúy H, Nông Thị Thùy T, Hoàng Ngọc S kiến nghị cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[28] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về chứng cứ tài liệu, vật chứng trong vụ án được thu thập, bảo quản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[29] Xét lời luận tội và mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Về hướng xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[30] Đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Vũ Thị L và Nguyễn Minh T về tội danh, hình phạt, về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng xử lý vật là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để được chấp nhận.

[31] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 điều 201 điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án 10 (mười) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 31/10/2019 đến ngày 17/01/2020.

- Áp dụng khoản 2 điều 201 điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; khoản 1, 2 điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thị L 07 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/03/2020.

Giao bị cáo Vũ Thị L cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Vũ Thị L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 122, Điều 123, Điều 131 của Bộ luật Dân sự;

3.1 Truy thu đối với bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T số tiền gốc cho vay lãi nặng là: 468.800.000 đồng; cụ thể bị cáo Vũ Thị L phải nộp 234.400.000 đồng; bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp 234.400.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3.2 Truy thu đối với bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T tiền lãi trong tương ứng với mức 20%/năm theo quy định số tiền là: 61.998.193 đồng; cụ thể bị cáo Vũ Thị L phải nộp 30.999.096 đồng; bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp 30.999.096 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3.3 Buộc bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa liên quan đến vụ án tổng số tiền là 451.070.800 đồng, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm trả 1/2; cụ thể trả cho:

- Chị Đinh Diệu L số tiền là 84.739.700 đồng;
- Chị Nguyễn Thu H số tiền 17.808.200 đồng;
- Chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền 36.842.200 đồng;
- Chị Nông Thị G số tiền 67.267.000 đồng;
- Anh Ngô Trung C số tiền 14.636.900 đồng;
- Chị Lương Thị Hồng Q số tiền 27.493.000 đồng;
- Chị Vũ Lan H số tiền 83.311.600 đồng;
- Anh Hà Thành K số tiền 47.760.000 đồng;
- Chị Vũ Thị H số tiền 41.965.700 đồng;
- Anh Vũ Ngọc T số tiền 29.246.500 đồng;

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự. Lãi suất phát sinh chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên không được vượt

quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3.4 Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ số tiền của các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T phải nộp số tiền còn nợ để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Chị Đinh Diệu L phải nộp số tiền là 150.000.000 đồng;

- Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp số tiền 60.000.000 đồng;

- Chị Nông Thị G phải nộp số tiền 90.000.000 đồng;

- Chị Lương Thị Hồng Q phải nộp số tiền 70.000.000 đồng;

- Chị Vũ Lan H phải nộp số tiền 50.000.000 đồng;

- Anh Hà Thành K phải nộp số tiền 40.000.000 đồng;

- Chị Vũ Thị H phải nộp số tiền 46.200.000 đồng;

- Anh Vũ Ngọc T phải nộp số tiền 50.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

4.1 Lưu kèm theo hồ sơ vụ án gồm: 01 (một) tờ giấy A4 có chữ viết tay mang tiêu đề giấy hẹn trả nợ viết ngày 21/9/2019, người vay tiền là Đinh Diệu L; 01 (một) giấy vay tiền mang tên Bùi Thanh Tâm; 01(một) quyển sổ màu đỏ, bên trong ghi các con số và chữ. 01 hợp đồng vay tiền, người vay tên Đặng Tuấn Anh, thời hạn vay từ 30/4/2019 đến 30/8/2019; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Vũ Thị H, thời hạn vay từ 19/3/2019 đến 19/4/2019; 01 (một) quyển sổ tay màu tím than, bìa ghi chữ KORLOY bên trong ghi các con số và chữ; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Lương Thị Hải Y; 01 (một) tờ giấy dòng kẻ ngang có tiêu đề "cô L thanh toán với Yến từ 10/3" có ghi các con số; 01 (một) mẩu giấy hình chữ nhật có chữ "lập1/2" bên trong có ghi các con số; 01 (một) quyển sổ tay bên ngoài bìa có in dòng chữ KIUCHI bên trong có ghi các con số và chữ; 01 (một) hợp đồng vay tiền cá nhân mang tên người vay Nguyễn Thị Thanh H ghi ngày 02/7/2018, 01 hợp đồng vay tiền cá nhân mang tên người vay Nguyễn Thị Thanh H ghi ngày 04/7/2018, 01 (một) hợp đồng đặt cọc có chữ viết và chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H; 01 (một) hợp đồng đặt cọc ngày 28/6/2018 có chữ ký của Lương Thị Hồng Q, 01 hợp đồng vay tiền của Lương Thị Hồng Q ghi ngày 28/6/2018, 01 (một) hợp đồng vay tiền của Lương Thị Hồng Q ghi ngày 04/7/2018; 01 (một) giấy nộp tiền mặt ghi tên Phạm Quang Th; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Dương Thúy A, 01 hợp đồng đặt cọc mang tên Dương Thúy A; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Nguyễn Thành K; 01 (một) giấy nộp tiền mặt ghi tên Phạm Quang Th; 01 (một) hợp đồng vay tiền mang tên Dương Thúy A, 01 (một) hợp đồng đặt cọc mang tên Dương Thúy A; 01 (một) giấy trả nợ số tiền 100.000.000 đồng của chị Vũ Lan H viết ngày 25/3/2019, 01 ảnh cỡ A4 có tiêu đề "Anh K chồng chị N".

4.2 Tịch thu để tiêu hủy gồm:

- 01 (một) tấm băng rôn làm từ vải bạt phông tráng, in màu, kích thước dài 1,1m, rộng 0,5m; một mặt màu trắng, một mặt có in hình chân dung 02 phụ nữ tên Q, H. Bên dưới cùng có dòng chữ "Yêu cầu Q, H trả tiền như đã hẹn đừng làm mất danh dự Đảng viên suy đồi đạo đức".

- 01 (một) khẩu trang y tế.

- 01 (một) quyển sổ tay ngoài bìa in dòng chữ Pd8, bên trong có ghi các con số và chữ; 01 quyển sổ tay bìa có in dòng chữ "JS Creates" bên trong có ghi số và chữ; 01 (một) quyển sổ tay bìa có in chữ "ATLAS" bên trong có ghi số và chữ.

4.3 Trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H: 01 (một) Sổ bảo hiểm xã hội màu xanh lá cây mang tên Nguyễn Thị Thanh H,

4.4 Trả lại cho chị Lương Thị Hồng Q gồm: 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) thẻ hội biên Hội nhà báo Việt Nam, 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ, 01 (một) chứng chỉ hoàn thành Chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước, 01 (một) giấy chứng nhận hoàn thành Chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh mang tên Lương Thị Hồng Q;

4.5 Tịch thu để hóa giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đỏ, số IMEI1: 358625100271487, IMEI2: 358625100271495, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chi tiết, bên trong lắp 01 sim mạng Vinaphone thuê bao số 0914.939.963.

(Vật chứng nói trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, có đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/02/2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án án dân sự phố Lạng Sơn).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Thị L và Nguyễn Minh T mỗi người phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng bị cáo Vũ Thị L phải nộp số tiền là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp số tiền là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước;

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Minh T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Lan H, chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Diệu L, chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nông Thị G, anh Ngô Trung C, chị Lương Thị

Hồng Q, anh Hà Thành K, anh Vũ Ngọc T vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Nguyệt